

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 19-7-2024

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản bằng tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng; ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên – Thư ký tòa án nhân dân thị xã
Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà
Trần Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024
về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 132/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng
giám đốc của Ngân hàng TMCP S;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Phó phòng
giao dịch T - Chi nhánh A; địa chỉ: E - 566 Q, phường T, thị xã T, tỉnh An
Giang (theo Giấy Uỷ quyền ngày 26/4/2024).

- **Bị đơn:** bà Phan Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ A, khóm S, phường
N, thị xã T, tỉnh An Giang.

**Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C
có mặt, bị đơn bà Phan Thị T có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ
án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần S
(TMCP S ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ngày 17/01/2020, bà Phan Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD2001700539 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S (TMCP) Sài Gòn T - Chi nhánh A – Phòng G, vay số tiền vốn là 130.000.000đ (*một trăm, ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay 05 năm (kể từ ngày 17/01/2020 đến ngày 17/01/2025 hết hạn); lãi suất vay: 9%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay; phương thức trả nợ theo định kỳ: Gồm 60 kỳ với tổng số tiền 188.500.000 đồng, mỗi kỳ trả 3.141.000 đồng/tháng (kỳ trả đầu tiên vào ngày 31/10/2017, kỳ cuối trả 3.181.000 đồng); mục đích vay: tiêu dùng; hình thức vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng trình bày rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Phan Thị T, yêu cầu thanh toán tổng số tiền 79.589.402 đồng, trong đó: vốn 58.920.000 đồng, tiền lãi 20.669.402 đồng.

* *Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay*: bị đơn bà Phan Thị T thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, thừa nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 79.589.402 đồng, trong đó: vốn 58.920.000 đồng, tiền lãi 20.669.402 đồng.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2001700539 ngày 17/01/2020 tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A – Phòng G với bà Phan Thị T trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Trong quá trình vay vốn do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày rút một phần yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu.

* *Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được*: Biên bản xác minh ngày 10/7/2024 tại Công an phường T về tình trạng cư trú của bà Phan Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phan Thị T có nơi cư trú tại khóm S, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Phan Thị T ký hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2001700539 ngày 17/01/2020 với Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP S - Chi nhánh A tại Phòng G vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng. Theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2001700539 ngày 17/01/2020 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 *Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*, và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng được các bên ký kết bằng hình thức tín chấp, không có tài sản để bảo đảm thực hiện giao dịch.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn T xuất trình bà Phan Thị T còn nợ tổng số tiền 79.589.402 đồng, trong đó: vốn 58.920.000 đồng, tiền lãi 20.669.402 đồng (gồm tiền lãi trong hạn 975.000 đồng; lãi trong hạn quá hạn 15.600.000 đồng; quá hạn phát sinh 2.993.840 đồng; phạt quá hạn 1.100.562 đồng).

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do bà T đã vi phạm thỏa thuận nên có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S khoản nợ này là phù hợp.

[2.4] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu do bị đơn trả được 4.000.000đ tiền vốn. Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là thuộc phạm vi khởi kiện và phù hợp quy định pháp luật, do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, 271, 273 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phầnS (TMCP) Sài Gòn T đối với bị đơn bà Phan Thị T.

Buộc bà Phan Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phầnS (TMCP) Sài Gòn T tổng số tiền vốn, lãi là 79.589.402 đồng, trong đó: vốn 58.920.000 đồng, tiền lãi 20.669.402 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị T phải chịu 3.980.000đ (*ba triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phầnS (TMCP) Sài Gòn T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 2.090.000đ (*hai triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0010931 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND phường An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ